

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN - BỘ TÀI CHÍNH -
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2014/TTLT-BNNPTNT-
BTC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ
về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý,
khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn cụ thể các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (bao gồm công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp) và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phục vụ cho sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn.

2. Các công trình cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình (giếng đào, giếng khoan, lu, bể chứa nước ...) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân (sau đây gọi chung là các đơn vị cấp nước) thực hiện toàn bộ hoặc một số công đoạn trong các hoạt động đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về cung cấp nước sạch nông thôn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia hoạt động đầu tư, quản lý và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

Điều 3. Các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ cấp nước sạch nông thôn

1. Ưu đãi về đất đai.
2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động vốn.
4. Hỗ trợ giá tiêu thụ nước sạch.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN

Điều 4. Ưu đãi về đất đai

1. Các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn được Nhà nước miễn tiền cho thuê đất.

a) Đất được thuê cho xây dựng công trình cấp nước bao gồm: Đất để xây dựng công trình khai thác và xử lý nước; đất xây dựng đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị);

b) Các tỉnh dành quỹ đất để xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy hoạch cấp nước được phê duyệt.

2. Đất được nhà nước cho thuê đối với các công trình sử dụng đất để xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn phải bảo đảm các quy định sau:

a) Không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của công trình đầu tư;

b) Không được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất thuê;

c) Không được thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để vay vốn;

d) Không được góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất, kinh doanh.

3. Trình tự, thủ tục hồ sơ để được thuê đất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Trình tự để được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Quản lý thuế, Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Ưu đãi về thuế

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh.

Điều 6. Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước

1. Các công trình đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt được ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và viện trợ quốc tế) hỗ trợ theo các mức như sau:

a) Không quá 90% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã biên giới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ đã quyết định ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước, thì nguồn kinh phí và mức hỗ trợ đầu tư thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Không quá 75% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với vùng nông thôn khác;

c) Không quá 60% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với vùng đồng bằng, vùng duyên hải;

d) Không quá 45% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với vùng thị trấn, thị tứ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng vùng trên địa bàn nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này và công khai công trình được hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng trong vòng 30 ngày.

3. Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch nông thôn ở các địa phương không thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, có khả năng tính đúng, tính đủ chi phí thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định. Việc xác định khấu hao phải theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

Điều 7. Huy động vốn

Các đơn vị đầu tư xây dựng các công trình (bao gồm cả công trình cải tạo) cấp nước nông thôn:

1. Được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng phát triển Việt Nam nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); được vay vốn tín dụng từ Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Được ưu tiên vay lại từ nguồn vốn của các tổ chức quốc tế cho Chính phủ Việt Nam vay ưu đãi.

3. Được nhận vốn tài trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế (nếu có).

4. Được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần đối với công ty cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.